

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: CHĂN NUÔI-THÚ Y

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
SN01016:TÂM LÝ HỌC ĐẠI CƯƠNG (INTRODUCTION TO PSYCHOLOGY)

I. Thông tin về học phần

- Học kì: 2
- Tín chỉ: **02** (Lý thuyết: 2 – Thực hành: 0 - Tự học: 4)
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập
 - + Học lý thuyết trên lớp: 21 tiết
 - + Thảo luận trên lớp: 8 tiết
 - + Kiểm tra: 1 tiết
- Giờ tự học: 60 .tiết (*theo kế hoạch cá nhân hoặc hướng dẫn của giảng viên*)
- Đơn vị phụ trách:
 - Bộ môn: Sư phạm công nghệ
 - Khoa: Du lịch và Ngoại ngữ
- Học phần thuộc khối kiến thức:

| Đại cương <input checked="" type="checkbox"/> | | Cơ sở ngành <input type="checkbox"/> | | Chuyên ngành 1 <input type="checkbox"/> | | Chuyên ngành ... <input type="checkbox"/> | |
|---|---|--------------------------------------|----------------------------------|---|----------------------------------|---|----------------------------------|
| Bắt buộc | Tự chọn <input checked="" type="checkbox"/> | Bắt buộc | Tự chọn <input type="checkbox"/> | Bắt buộc | Tự chọn <input type="checkbox"/> | Bắt buộc | Tự chọn <input type="checkbox"/> |
| <input type="checkbox"/> | <input checked="" type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |

- Học phần song hành: Không
- Học phần tiên quyết: Không
- Ngôn ngữ giảng dạy: tiếng Anh Tiếng Việt

II. Mục tiêu và kết quả học tập mong đợi

* **Mục tiêu:** Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên:

- Về kiến thức: Phân tích được bản chất của tâm lý người, ý thức, tư duy, tình cảm, ý chí, nhân cách... Lý giải được các cơ sở tự nhiên, cơ sở xã hội của tâm lý; sự hình thành tâm lý, ý thức; đời sống tình cảm, nhân cách của con người. Vận dụng kiến thức lý thuyết đã học để thực hiện các bài tập trong cuốn bài tập thực hành Tâm lý học cũng như trong đời sống nói chung và ứng dụng trong trong lĩnh vực nghề nghiệp nói riêng.

- Về kỹ năng: Rèn kỹ năng giao tiếp, ứng xử hiệu quả trong các mối quan hệ xã hội. Có khả năng thích ứng nhanh với môi trường sống, nghề nghiệp mới, có kỹ năng tham vấn, tư vấn tâm lý.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Sinh viên có ý thức tích cực, chủ động, sáng tạo trong học tập; sẵn sàng, chủ động áp dụng các kiến thức về tâm lý con người vào nghề nghiệp và cuộc sống, thể hiện đạo đức của người học. Định hình rõ phương pháp luận cho việc hình thành các phẩm chất năng lực, đạo đức nghề nghiệp.

* **Kết quả học tập mong đợi của học phần:**

Học phần đóng góp cho Chuẩn đầu ra sau đây của CTDT theo mức độ sau:

| Mã HP | Tên HP | Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTDT | | | | | | |
|---------|----------------------|---|------|------|------|------|------|------|
| | | CDR1 | CDR2 | CDR3 | CDR4 | CDR5 | CDR6 | CDR7 |
| SN01016 | Tâm lý học đại cương | P | | | | | I | |

| Mã HP | Tên HP | Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTDT | | | | | | |
|---------|----------------------|---|-------|--------|--------|--------|--------|--------|
| | | CDR 8 | CDR 9 | CDR 10 | CDR 11 | CDR 12 | CDR 13 | CDR 14 |
| SN01016 | Tâm lý học đại cương | | | | | | | |

| Ký hiệu | KQHTMD của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên thực hiện được | | | | | | | CDR của CTDT |
|-------------------------------------|---|--|--|--|--|--|--|--------------|
| Kiến thức | | | | | | | | |
| K1 | Phân tích được bản chất của tâm lý người, hoạt động nhận thức, tình cảm, ý chí, nhân cách... | | | | | | | CDR1 |
| K2 | Lý giải được các cơ sở tự nhiên cơ sở xã hội của tâm lý; sự hình thành tâm lý, ý thức; quy luật của nhận thức, đời sống tình cảm và nhân cách của con người. | | | | | | | CDR1 |
| K3 | Vận dụng kiến thức lý thuyết để thực hiện được các bài tập trong cuốn bài tập thực hành Tâm lý học; giải thích được một số hiện tượng tâm lý phổ biến trong đời sống. | | | | | | | CDR1 |
| Kỹ năng | | | | | | | | |
| K4 | Kỹ năng giao tiếp, ứng xử, hợp tác trong các mối quan hệ, kỹ năng tư duy sáng tạo, giải quyết vấn đề. | | | | | | | CDR6 |
| Thái độ và phẩm chất đạo đức | | | | | | | | |
| K5 | Tích cực học tập và sẵn sàng, chủ động áp dụng các kiến thức về tâm lý con người vào học tập, cuộc sống. | | | | | | | CDR1 |
| K6 | Biết chia sẻ với mọi người, tôn trọng các giá trị nhân văn | | | | | | | CDR1 |
| K7 | Thể hiện ý thức, đạo đức người học, định hướng đạo đức nghề nghiệp | | | | | | | CDR1 |

III. Nội dung tóm tắt của học phần (Không quá 100 từ)

SN01016 - Tâm lý học đại cương. (2TC: 2 - 0 - 4).

Mô tả vấn đề nội dung: Học phần này gồm những kiến thức cơ bản về Tâm lý học như đối tượng, nhiệm vụ của tâm lý học; bản chất của tâm lý người; các cơ sở tự nhiên cơ sở xã hội của tâm lý; sự hình thành tâm lý, ý thức; hoạt động nhận thức; ý chí; đời sống tình cảm và nhân cách của con người.

IV. Phương pháp giảng dạy và học tập

1. Phương pháp giảng dạy

- Thuyết giảng
- Tổ chức học tập tương tác;
- Sử dụng phương pháp trắc nghiệm khách quan để kiểm tra kiến thức đã học
- Dạy học dựa trên vấn đề, giải quyết tình huống
- Giảng dạy thông qua thảo luận trên lớp

- Giảng dạy kết hợp với phương tiện đa truyền thông
- Giảng dạy online qua MS Teams, Zoom....

2. Phương pháp học tập

- Phương pháp học cá nhân: nghe giảng, ghi chép, làm bài tập, tự học, tự nghiên cứu tài liệu.
- Phương pháp học nhóm, tư duy phản biện, giải quyết vấn đề

V. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Sinh viên phải tham dự đủ số tiết theo quy chế hiện hành
- Chuẩn bị cho bài giảng: Sinh viên tham dự học phần này phải đọc giáo trình, tài liệu tham khảo theo yêu cầu của giảng viên, chuẩn bị câu hỏi hoặc bài tập được giao.
- Thi giữa kì: Thực hiện đầy đủ, đúng yêu cầu thi giữa kì của giảng viên
- Thi cuối kì: Theo lịch thi của Học viện.

VI. Đánh giá và cho điểm

1. Thang điểm: 10

2. Điểm cuối kì là điểm tổng hợp của những điểm thành phần theo tỷ lệ như sau:

- Điểm chuyên cần: 10 %
- Điểm quá trình/Điểm kiểm tra giữa kì: 30%
- Điểm kiểm tra cuối kì: 60%

3. Phương pháp đánh giá

| Rubric đánh giá | Nội dung/Tiêu chí đánh giá | KQHTMD được đánh giá | Trọng số (%) | Thời gian/Tuần học |
|---------------------------|--------------------------------------|----------------------|--------------|--------------------|
| Chuyên cần | | | | |
| Chuyên cần | Thái độ tham dự | K6, K7 | 10 | 1-10 |
| | Thời gian tham dự | K6, K7 | | |
| Đánh giá quá trình | | | | |
| Kiểm tra giữa kì | Chất lượng câu trả lời | K1, K2, K3 | 30 | 7-8 |
| | Hình thức trình bày/Thái độ tham gia | K4, K5, K7 | | |
| Cuối kì | | | | |
| Kiểm tra cuối kì | Chất lượng câu trả lời | K1, K2, K3, K4, K5 | 60 | Theo lịch đào tạo |
| | Hình thức trình bày | K4, K5, K7 | | |

Rubric 1: Đánh giá chuyên cần (tham dự lớp)

| Tiêu chí | Trọng số (%) | Tốt 8.5 – 10 điểm | Khá 6.5 – 8.4 điểm | Trung bình 4.0 – 6.4 điểm | Kém 0 – 3.9 điểm |
|-------------------|--------------|---|------------------------|------------------------------|----------------------------|
| Thái độ tham dự | 50 | Luôn chú ý và tham gia các hoạt động | Khá chú ý, có tham gia | Có chú ý, ít tham gia | Không chú ý/không tham gia |
| Thời gian tham dự | 50 | Mỗi buổi học là 5% và không được vắng trên 2 buổi | | | |

Rubric 2: Đánh giá quá trình (kiểm tra giữa kỳ)

Hình thức kiểm tra tự luận hoặc trắc nghiệm trực tiếp hoặc online qua MS Teams, Zoom...

| Nội dung kiểm tra | Chỉ báo thực hiện của học phần được đánh giá qua câu hỏi | KQHTMĐ của môn học được đánh giá qua câu hỏi |
|-----------------------|---|---|
| Bản chất tâm lý người | Chỉ báo 1 | K1, K3, K5 |
| Ý thức | Chỉ báo 2 | K2, K3, K5 |
| Hoạt động nhận thức | Chỉ báo 3 | K1, K3, K5 |

| Tiêu chí | Trọng số (%) | Tốt 8.5 – 10 điểm | Khá 6.5 – 8.4 điểm | Trung bình 4.0 – 6.4 điểm | Kém 0 – 3.9 điểm |
|--|--------------|--|--|--|--|
| Hình thức trình bày / Thái độ làm bài | 10 | Rõ ràng, cẩn thận | Khá rõ ràng, vài chỗ chưa cẩn thận | Tương đối cẩn thận, nhiều chỗ chưa rõ ràng | Cẩu thả, chưa rõ ràng |
| | | Nghiêm túc, làm bài độc lập | Có trao đổi nhưng điều chỉnh sau khi được nhắc lần 1 | Bị nhắc nhở hơn 1 lần | Bị nhắc nhở nhiều lần, sử dụng tài liệu; chép bài người khác |
| Chất lượng câu trả lời | 90 | Theo thang điểm trong đáp án đề thi của bộ môn | | | |

Rubric 3: Đánh giá cuối kì (trực tiếp hoặc online qua MS Teams, Zoom...)

Hình thức thi: Tự luận

| Nội dung thi | Chỉ báo thực hiện của học phần được đánh giá qua câu hỏi | KQHTMĐ của môn học được đánh giá qua câu hỏi |
|-----------------------|---|---|
| Bản chất tâm lý người | Chỉ báo 1 | K1, K3, K5 |
| Ý thức | Chỉ báo 2 | K2, K3, K5 |
| Hoạt động nhận thức | Chỉ báo 3 | K1, K3, K5 |
| Tình cảm và ý chí | Chỉ báo 4 | K1, K2, K3, K5 |

| Tiêu chí | Trọng số (%) | Tốt 8.5 – 10 điểm | Khá 6.5 – 8.4 điểm | Trung bình 4.0 – 6.4 điểm | Kém 0 – 3.9 điểm |
|------------------------|--------------|--|------------------------------------|--|-------------------------|
| Hình thức trình bày | 10 | Cẩn thận, rõ ràng | Khá cẩn thận, vài chỗ chưa rõ ràng | Tương đối cẩn thận, nhiều chỗ chưa rõ ràng | Cẩu thả và chưa rõ ràng |
| | | | | | |
| Chất lượng câu trả lời | 90 | Theo thang điểm trong đáp án đề thi của bộ môn | | | |

4. Các yêu cầu, quy định đối với học phần

Yêu cầu tương tác ngoài giờ trên lớp: Nghiên cứu trước bài giảng, giáo trình theo yêu cầu của giảng viên và tham khảo tài liệu học phần; trao đổi khi cần thiết qua hệ thống E-learning, Email.

Yêu cầu trong giờ học: Chủ động, tích cực tham gia phát biểu ý kiến, tham gia các bài tập tình huống, câu hỏi tương tác, thảo luận, không nói chuyện riêng, làm việc riêng.

Tham dự các bài thi: Không tham gia bài thi giữa kì sẽ không được thi cuối kì; bắt buộc tham gia kỳ thi cuối kỳ theo lịch của Ban đào tạo.

Yêu cầu về đạo đức: Nhiệt tình, có ý thức cầu tiến và tôn trọng giảng viên, sinh viên khác.

VII. Giáo trình/ tài liệu tham khảo

VII. Giáo trình/ tài liệu tham khảo

* Sách giáo trình/Bài giảng:

- Nguyễn Xuân Thúc (2013). Tâm lý học Đại cương. NXB ĐH Sư phạm Hà Nội.
- Nguyễn Quang Uẩn (chủ biên) (2007). Tâm lý học đại cương. NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội. Hà Nội.
- Đặng Thị Vân (chủ biên) (2016). Tâm lý học nghề nghiệp. NXB Đại học Nông nghiệp. Hà Nội.

* **Tài liệu tham khảo khác:**

- Đào Thị Oanh (2007). Vấn đề nhân cách trong Tâm lý học ngày nay. NXB Giáo dục. HN
- Trần Trọng Thùy (chủ biên) (2002). Bài tập thực hành Tâm lý học. NXB Giáo dục. HN
- Các tài liệu chuyên ngành Tâm lý học (Tâm lý học xã hội, Tâm lý học lao động, Tâm lý học lứa tuổi, Tâm lý học quản trị kinh doanh, Tâm lý học quản lý kinh tế, Tâm lý học xã hội, Tâm lý học nhân cách, chuyên đề tâm lý nông dân....).
- Tạp chí Tâm lý học, Tạp chí Tâm lý học xã hội, Tạp chí Khoa học giáo dục.

VIII. Nội dung chi tiết của học phần

| Tuần | Nội dung | KQHTMD của học phần |
|------|--|---------------------------|
| 1 | <p>Chương 1: Tâm lý học là một khoa học</p> <p>A/ Các nội dung chính trên lớp: (3 tiết)</p> <p>Nội dung GD lý thuyết:</p> <p>1.1. Tâm lý học là gì? Lịch sử hình thành và phát triển tâm lý học 1.2. Đối tượng và nhiệm vụ của tâm lý học 1.3. Bản chất, chức năng, phân loại các hiện tượng tâm lý người 1.4. Các phương pháp và nguyên tắc nghiên cứu tâm lý</p> <p>Nội dung thảo luận: (1 tiết)</p> <p>Những đặc điểm tâm lý nổi bật của người Việt Nam.</p> <p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (8 tiết)</p> <p>1.5. Nghiên cứu chương 1 trong sách giáo trình chính, một số bài báo viết về tâm lý người Việt Nam.</p> | K1, K3, K5 |
| 2,3 | <p>Chương 2: Cơ sở tự nhiên và xã hội của tâm lý người</p> <p>A/ Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (6 tiết)</p> <p>Nội dung GD lý thuyết:</p> <p>2.1. Cơ sở tự nhiên 2.2. Cơ sở xã hội</p> <p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (12 tiết)</p> <p>2.3. Nghiên cứu nội dung chương 2 trong sách giáo trình chính, chuẩn bị câu trả lời cho các câu hỏi được biên soạn trong chương.</p> | K2, K4, K6 |
| 4 | <p>Chương 3: Sự hình thành và phát triển tâm lý - ý thức</p> <p>A/ Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (3 tiết)</p> <p>Nội dung GD lý thuyết:</p> <p>3.1. Sự nảy sinh và phát triển tâm lý 3.2. Sự hình thành và phát triển ý thức</p> | K2, K5, K4, K6 |

| | | |
|-------|--|---------------------------------|
| | <p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 tiết)</p> <p>3.3. Nghiên cứu nội dung chương 3 trong sách giáo trình chính, chuẩn bị các câu hỏi ôn tập được trình bày trong chương.</p> | K2, K5 |
| | <p>Chương 4.: Hoạt động nhận thức</p> <p>A/ Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (8 tiết)</p> <p>Nội dung GD lý thuyết: (5 tiết)</p> <p>4.1. Nhận thức cảm tính 4.2 Nhận thức lý tính 4.3. Nhận thức trung gian</p> <p>Nội dung thảo luận: (3 tiết)</p> <p>- Nội dung 1: Sự khác biệt giữa nhận thức cảm tính và lý tính. - Nội dung 2: Trao đổi bài tập 112, 114, 127, 131, 139, 140, 192, 213, 215 sách bài tập thực hành Tâm lý học. - Nội dung 3: Ứng dụng của tư duy và tưởng tượng trong cuộc sống của con người, học tập của sinh viên.</p> | K1,K2, K3, K4, K5, K6, K7 |
| 5,6,7 | <p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (16 tiết)</p> <p>4.4. Nghiên cứu nội dung chương 4 trong sách giáo trình chính 4.5. Chuẩn bị các câu hỏi ôn tập cuối chương 4.6. Sử dụng sơ đồ mindmap để mô hình hóa hoạt động nhận thức</p> | K1,K2,K3, K4, K5 |
| 8 | <p>Chương 5: Tình cảm và ý chí</p> <p>A/ Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (4 tiết)</p> <p>Nội dung GD lý thuyết: (2 tiết)</p> <p>5.1. Tình cảm 5.2. Ý chí</p> <p>Nội dung thảo luận: (2 tiết)</p> <p>Nội dung 1: Ứng dụng của các quy luật tình cảm trong cuộc sống, những tấm gương về ý chí trong thực tế. Nội dung 2: Với mỗi quy luật tình cảm lấy 03 ví dụ và phân tích các ví dụ đó để làm sáng tỏ quy luật tình cảm</p> | K1,K2, K4, K6, K7 |
| 9 | <p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (8 tiết)</p> <p>5.3. Nghiên cứu nội dung chương 5 trong sách giáo trình chính 5.4. Chuẩn bị các câu hỏi ôn tập cuối chương 5.5. Làm các bài tập 224, 226, 230, 233 sách bài tập</p> <p>Chương 6: Nhân cách và sự hình thành nhân cách</p> <p>A/ Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (4 tiết)</p> <p>Nội dung GD lý thuyết: (2 tiết)</p> <p>6.1. Khái niệm nhân cách 6.2. Đặc điểm nhân cách 6.3. Cấu trúc tâm lý của nhân cách 6.4. Các thuộc tính tâm lý của nhân cách 6.5. Sự hình thành và phát triển nhân cách 6.6. Sự hoàn thiện nhân cách</p> <p>Nội dung thảo luận (2 tiết):</p> | K1,K2,K3, K4, K5 |

| | | |
|--|---|--------------------------------|
| | Nội dung thảo luận (2 tiết): Nội dung 1: Các đặc điểm nhân cách nổi bật của người Việt Nam, các yếu tố hình thành nên những nét tâm lý đó. Nội dung 2: Các bài tập 58, 61, 63, 66, 67, 69, 70 sách BT thực hành Tâm lý học | |
| | B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (8 tiết) 6.7. Nghiên cứu nội dung chương 6 trong sách giáo trình chính 6.8. Chuẩn bị các câu hỏi ôn tập cuối chương | K1,K2,K3, K4, K5, K6, K7 |

IX. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học, thực hành: giảng đường có đủ ánh sáng, điện, điều hòa
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: máy chiếu, loa míc, máy tính, kết nối wifi
- Các phương tiện khác: Các học liệu: Ao, A4, Bút dạ,...

X. Cóc đợt cải tiến

- Lần 1: 7/2016
- Lần 2: 7/2017
- Lần 3: 7/2018
- Lần 4: 7/2019

Hà Nội, ngày 5 tháng 7 năm 2022

TRƯỞNG BỘ MÔN

(Ký và ghi rõ họ tên)

P. **TRƯỞNG KHOA**

(Ký và ghi rõ họ tên)

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

(Ký và ghi rõ họ tên)

Trần Thị Thanh Tân

KT GIÁM ĐỐC

(Ký và ghi rõ họ tên)



PHÓ GIÁM ĐỐC

GS.TS. Phạm Văn Cường

**PHỤ LỤC: DANH SÁCH GIÁNG VIÊN, GIÁNG VIÊN HỖ TRỢ CÓ THỂ THAM
GIA GIÁNG DẠY HỌC PHẦN**

Giảng viên phụ trách học phần

| | |
|--|--|
| Họ và tên: Trần Thị Thanh Tâm | Học hàm, học vị: Thạc sỹ |
| Địa chỉ cơ quan: Bộ môn Tâm lý, Khoa Sư phạm và Ngoại ngữ, HV Nông nghiệp VN | Điện thoại liên hệ: 0984980855 |
| Email: tttam@vnua.edu.vn | Trang web: http://www.vnua.edu.vn/khoa/spnn/ |
| Cách liên lạc với giảng viên: Liên lạc qua Email/ Điện thoại | |

Giảng viên hỗ trợ/trợ giảng

| | |
|---|--|
| Họ và tên: Trần Thị Hà Nghĩa | Học hàm, học vị: Thạc sỹ |
| Địa chỉ cơ quan: Khoa Sư phạm và Ngoại Ngữ, Học viện Nông nghiệp Việt Nam | Điện thoại liên hệ: 0988613975 |
| Email: tthnghia@vnua.edu.vn | Trang web: http://www.vnua.edu.vn/khoa/spnn/ |
| Cách liên lạc với giảng viên: Liên lạc qua Email/ Điện thoại | |

Giảng viên hỗ trợ/trợ giảng

| | |
|---|--|
| Họ và tên: Nguyễn Huyền Thương | Học hàm, học vị: Thạc sỹ |
| Địa chỉ cơ quan: Khoa Sư phạm và Ngoại Ngữ, Học viện Nông nghiệp Việt Nam | Điện thoại liên hệ: 0912597358 |
| Email: nhthuong@vnua.edu.vn | Trang web: http://www.vnua.edu.vn/khoa/spnn/ |
| Cách liên lạc với giảng viên: Liên lạc qua Email/ Điện thoại | |

Giảng viên hỗ trợ/trợ giảng

| | |
|--|--|
| Họ và tên: Đỗ Ngọc Bích | Học hàm, học vị: Thạc sỹ |
| Địa chỉ cơ quan: Bộ môn Tâm lý, Khoa Sư phạm và Ngoại ngữ, Học viện Nông nghiệp Việt Nam | Điện thoại liên hệ: 0979929002 |
| Email: dnbich@vnua.edu.vn | Trang web: http://www.vnua.edu.vn/khoa/spnn/ |
| Cách liên lạc với giảng viên: Liên lạc qua Email/ Điện thoại | |